

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi  
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 142/TTr-SNN ngày 05/5/2021; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 05/BC-STP ngày 08/01/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29/5/2021; thay thế Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về việc sửa đổi, bổ sung, một số điều của Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- MTTQ VN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại PTTH tỉnh, báo Hà Tĩnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>1</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Võ Trọng Hải**

**QUY ĐỊNH****Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi  
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021  
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Những nội dung không có trong quy định này thực hiện theo Luật Thủy lợi và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh gồm: Chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Nguyên tắc, điều kiện phân cấp**

1. Phân định rõ trách nhiệm chủ sở hữu, chủ quản lý và đơn vị khai thác công trình thủy lợi nhằm nâng cao trách nhiệm, chủ động trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

2. Căn cứ vào quy mô, nhiệm vụ, mức độ phức tạp về kỹ thuật và tầm quan trọng của công trình để phân cấp cho các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Mỗi công trình thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi phải do một tổ chức hoặc cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác, bảo vệ; phân định rõ trách nhiệm giữa chức năng quản lý nhà nước và hoạt động khai thác, kinh doanh của đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi (được giao trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình công trình thủy lợi) phải có đủ năng lực, kinh nghiệm phù hợp với quy mô, tính chất, yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, hệ thống công trình được giao theo quy định.

**Chương II****NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 3. Phân cấp chủ sở hữu, chủ quản lý công trình thủy lợi**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu đối với các công trình thủy lợi được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (viết tắt là UBND cấp huyện) là chủ sở hữu đối với các công trình thủy lợi được quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ quản lý đối với các công trình thủy lợi quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) là chủ quản lý đối với các công trình thủy lợi được quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

5. Đối với công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì tổ chức, cá nhân đó chịu trách nhiệm chủ sở hữu và tổ chức quản lý công trình.

#### **Điều 4. Giao khai thác công trình thủy lợi**

1. Giao cho các doanh nghiệp trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi đầu mối, các trục kênh chính, kênh nhánh và các công trình điều tiết nước có quy mô vừa và lớn hoặc có điều kiện kỹ thuật phức tạp thuộc hệ thống công trình thủy lợi liên huyện (cấp huyện), liên xã (cấp xã), cụ thể đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đối với hồ chứa nước:

- Hồ chứa nước có phạm vi phục vụ tưới liên huyện, liên xã (không kể quy mô).

- Hồ chứa nước có dung tích thiết kế toàn bộ  $\geq 500.000\text{m}^3$  hoặc hồ có chiều cao đập  $\geq 10\text{m}$ .

b) Đối với đập dâng nước:

- Đập dâng nước có phạm vi phục vụ tưới liên huyện, liên xã (không kể quy mô).

- Đập dâng có chiều cao đập  $\geq 10\text{m}$ .

c) Đối với trạm bơm:

- Trạm bơm phục vụ tưới, tiêu liên huyện, liên xã (không kể quy mô);

- Trạm bơm có tổng lưu lượng thiết kế từ  $3.600\text{m}^3/\text{h}$  trở lên hoặc trạm bơm nhỏ nhưng có công suất động cơ mỗi tổ máy từ  $150\text{Kw}$  trở lên.

d) Các công trình khác, gồm: Công tiêu thoát lũ, cống tạo nguồn (ngăn mặn, giữ ngọt) loại lớn, cống có tổng chiều rộng thoát nước từ  $10\text{m}$  đến dưới  $20\text{m}$  và có yêu cầu quản lý vận hành phức tạp; xi phông, cầu máng có lưu lượng thiết kế  $\geq 5\text{ m}^3/\text{s}$  hoặc chiều rộng đáy cầu máng  $B \geq 5\text{m}$ ; đường ống dẫn nước có lưu lượng dẫn nước thiết kế  $\geq 0,25\text{ m}^3/\text{s}$  hoặc có đường kính trong  $\geq 500\text{ mm}$ .

e) Công trình cùng hệ thống hoặc khu tưới với công trình đã được giao cho doanh nghiệp quản lý, khai thác từ trước để đảm bảo tính hệ thống của công trình, tránh việc trùng lặp chồng chéo về diện tích tưới, tiêu.

2. UBND cấp huyện giao cho các tổ chức thủy lợi cơ sở trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi ngoài các công trình thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý được quy định tại Khoản 1 Điều này; các công trình kênh mương thuộc hệ thống công trình thủy lợi do các doanh nghiệp quản lý, khai thác kể từ sau điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến mặt ruộng.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập danh mục công trình thủy lợi phân cấp cho các địa phương, đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ, trình UBND tỉnh xem xét, ban hành.

### **Điều 5. Vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi**

1. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là vị trí chuyển giao sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ và được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng.

2. Quy mô thủy lợi nội đồng được quy định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế của khu vực tưới, tiêu đối với từng vùng như sau:

a) Vùng miền núi: Nhỏ hơn hoặc bằng 50ha.

Việc xác định xã, huyện miền núi được căn cứ theo Quyết định phân vùng của Thủ tướng Chính phủ.

b) Vùng còn lại: Nhỏ hơn hoặc bằng 100ha.

Trường hợp tổ chức thủy lợi cơ sở đáp ứng điều kiện năng lực, việc mở rộng quy mô thủy lợi nội đồng do UBND tỉnh quyết định.

### **Điều 6. Quy định về năng lực của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi**

Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải đáp ứng yêu cầu về năng lực được quy định tại Chương III Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

### **Điều 7. Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý**

1. Chủ sở hữu: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật Thủy lợi và các quy định khác của hệ thống pháp luật về thủy lợi.

2. Chủ quản lý: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Luật Thủy lợi và các quy định khác của hệ thống pháp luật về thủy lợi.

### **Điều 8. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi**

1. Các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi

a) Có quyền, trách nhiệm theo quy định tại Điều 53, Điều 54 Luật Thủy lợi và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

b) Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện: Phương án ứng phó với thiên tai của công trình trong giai đoạn khai thác; Quy trình vận hành hồ chứa nước, công

trình thủy lợi nhỏ; Phương án bảo vệ công trình thủy lợi nhỏ; Quy trình bảo trì công trình thủy lợi sau khi xin ý kiến bằng văn bản của Chủ quản lý công trình thủy lợi. Riêng đối với công trình thủy lợi nhỏ, doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi tự lập, điều chỉnh và thực hiện quy trình bảo trì công trình thủy lợi.

c) Lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các hồ sơ: Quy trình vận hành hồ chứa nước, quy trình vận hành công trình thủy lợi lớn, vừa; Đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước; Phương án bảo vệ công trình thủy lợi lớn, vừa; Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của một đập được giao quản lý, khai thác; chủ trì phối hợp với các đơn vị khai thác xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập, hồ chứa nước (trong đó có đập, hồ chứa nước do doanh nghiệp quản lý, khai thác).

d) Lập, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định Danh mục công trình sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

đ) Chịu trách nhiệm trong công tác đảm bảo an toàn công trình, giảm ngập lụt cho vùng hạ du, an toàn cấp nước đối với các công trình thủy lợi được giao trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ. Báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có sự thay đổi về hiện trạng công trình và thực trạng quản lý, khai thác công trình thủy lợi gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Thỏa thuận về mức trích kinh phí từ nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với tổ chức thủy lợi cơ sở, hộ gia đình, cá nhân quản lý công trình, kênh mương có quy mô diện tích phục vụ lớn hơn quy mô thủy lợi nội đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này. Mức trích cụ thể trên cơ sở khối lượng, nội dung công việc thực hiện, diện tích thực tế vượt định mức quy định và theo các quy định hiện hành.

## 2. Tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

a) Có quyền, trách nhiệm theo quy định tại Điều 53, Điều 54 Luật Thủy lợi và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

b) Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện: Phương án ứng phó với thiên tai của công trình trong giai đoạn khai thác; Quy trình vận hành công trình thủy lợi nhỏ; Quy trình bảo trì, Phương án bảo vệ công trình thủy lợi nhỏ.

c) Lập trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ: Đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ (trừ các đập, hồ chứa nước mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến 02 huyện trở lên); Danh mục công trình sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong Kế hoạch sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi hàng năm; Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước; Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập bị

ảnh hưởng ngập lụt của đập, hồ chứa nước do Tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác (trừ các đập, hồ chứa nước có chung vùng hạ du bị ảnh hưởng ngập lụt với đập, hồ chứa nước do doanh nghiệp quản lý, khai thác).

d) Chịu trách nhiệm trong công tác đảm bảo an toàn công trình, giảm ngập lụt cho vùng hạ du, an toàn cấp nước đối với các công trình thủy lợi được giao trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ. Báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có sự thay đổi về hiện trạng công trình và thực trạng quản lý, khai thác công trình thủy lợi gửi về UBND cấp huyện.

đ) Đổi mới, kiện toàn tổ chức hoạt động để đáp ứng với chính sách giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; nâng cao năng lực theo quy định để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan**

###### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Tham mưu UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi; hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh; tham mưu công tác phân cấp quản lý khai thác (giao, nhận) các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp trong công tác kiểm tra công trình trước, trong và sau mùa mưa lũ; thẩm định Kế hoạch sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các doanh nghiệp.

c) Tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt các hồ sơ: Quy trình vận hành hồ chứa nước, quy trình vận hành công trình thủy lợi lớn, vừa; Phương án bảo vệ công trình thủy lợi lớn, vừa; Đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi lớn, vừa (trừ công trình mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên) và đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến 02 huyện trở lên; Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình lớn, vừa; Phương án ứng phó thiên tai cho công trình và vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước có vùng hạ du bị ảnh hưởng liên quan từ 02 huyện (cấp huyện) trở lên trong một tỉnh và trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên sau khi lấy ý kiến của UBND cấp tỉnh có liên quan; Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước có vùng hạ du bị ảnh hưởng liên quan từ 02 huyện (cấp huyện) trở lên trong một tỉnh và trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên sau khi lấy ý kiến của UBND cấp tỉnh có liên quan; Bản đồ ngập lụt

vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của đập do doanh nghiệp quản lý, khai thác.

3. Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Sở Tài chính

- Hướng dẫn các địa phương, đơn vị được giao khai thác công trình thủy lợi theo phân cấp thực hiện thủ tục thu hồi, điều chuyển và giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, vốn theo quy định hiện hành.

- Quản lý, phân bổ kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo kế hoạch được duyệt cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định.

- Theo chức năng nhiệm vụ được giao tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn thuộc phạm vi quản lý để thực hiện công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tổng hợp các dự án đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh vào kế hoạch đầu tư công trung hạn địa phương các giai đoạn, báo cáo UBND tỉnh. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

c) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp, các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trong việc quản lý, sử dụng lao động theo quy định hiện hành.

4. UBND cấp huyện

a) Hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn huyện. Hướng dẫn các địa phương thành lập, củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực Tổ chức thủy lợi cơ sở để quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

b) Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ: Đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ (trừ các đập, hồ chứa nước mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến 02 huyện trở lên); Danh mục công trình sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong Kế hoạch sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi hàng năm của các Tổ chức thủy lợi cơ sở; Phương án ứng phó thiên tai cho công trình và vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước có vùng hạ du bị ảnh hưởng liên quan từ 02 xã (cấp xã) trở lên thuộc một huyện; Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước có vùng hạ du bị ảnh hưởng liên quan từ 02 xã



(cấp xã) trở lên thuộc một huyện; Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của đập, hồ chứa nước đối với các công trình do UBND cấp huyện làm chủ sở hữu.

#### 5. UBND cấp xã

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn công trình thủy lợi trên địa bàn theo địa giới hành chính do cấp xã quản lý.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn trong công tác kiểm tra công trình thủy lợi trước, trong, sau mùa mưa lũ, lập kế hoạch sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, sửa chữa nhằm đảm bảo an toàn công trình thủy lợi. Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn xã theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cấp thẩm quyền xử lý.

c) Tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ: Phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp cho công trình và vùng hạ du đập đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập bị ảnh hưởng trên địa bàn 01 xã.

d) Phối hợp quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới và chịu trách nhiệm trước UBND huyện và pháp luật khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được giao quản lý theo thẩm quyền.

e) Thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 3 Điều 57 Luật Thủy lợi và các trách nhiệm quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

#### **Điều 10. Quy định chuyển tiếp**

Những công trình thủy lợi trước đây đã lập hồ sơ, được UBND tỉnh phê duyệt vị trí “công đầu kênh” thì không phải lập lại hồ sơ xác định vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Các công trình thủy lợi xây dựng mới hoặc được nâng cấp, sửa chữa thay đổi quy mô phục vụ thì thực hiện việc lập hồ sơ xác định vị trí điểm giao, nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Võ Trọng Hải**

